

TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 1

Phần 1: Cùng bé học vần

STT	Vần	Hãy tìm thêm nhiều TỪ nữa bé nhé
1	ia	mía, đĩa, thìa, đồ tía,
2	ua	cua, rùa, chừa, búa, múa, lúa,
3	ura	ngựa, cưa, dứa, dừa, mưa, cửa, tre nứa,
4	ai	nai, vải, trái, cải, tai, mái nhà, lái xe,
5	ay	tay, bay, cháy, váy, xe máy, chạy nhảy,
6	ây	cây, mây, tẩy, gậy, giỏ mây, nhảy dây,
7	oi	nói, còi, voi, gọi, mồi, sỏi, tỏi, ngói đỏ,
8	ôi	gối, xôi, vôi, ổi, cá hồi,
9	oi	chơi, mời, mới, phơi, bơi, dơi, trời, lời nói,
10	ui	túi, mùi, vui, đui, củi, núi, mũi, lụi, bụi,
11	ui	ngủi, gửi, củi,
12	uôi	nuôi, tuổi, chuối, muối, cuối, cá đuối,
13	ươi	bưởi, sười, tươi, cười, người, tưới, lười,

14	ao	áo, táo, sao, cao, mào, chào mào, sáo, báo,
15	eo	mèo, kẹo dẻo, kéo, leo trèo, béo, khéo tay,
16	au	lau, cau, mào, sáu, cháu, đau, kho báu,
17	âu	sâu, châu chấu, cầu, nầu, đậu, trâu, gầu,
18	êu	thêu, nghêu ngao, trêu đùa, lêu, kêu, sếu,
19	iu	riù, thiù, níu, địu, dịu, nhỏ xíu, trĩu quả,
20	ưư	cứu, con cừu, cây lựu, ru tú,
21	iêu	chiếu, điều, biếu, chiều, diều, kiệu, đà điểu,
22	yêu	yêu quý, yêu đuối, yêu điệu, già yêu,
23	ươu	hươu sao, chim khướu, hươu cao cổ,
24	an	màn, sán, san hô, bạn, lan can, cán, hạn hán,
25	ăn	khăn, cái chăn, con trăn, củ sắn, ngắn, mẫn,
26	ân	ân cần, chân, cân, sân, quả mận, gân,
27	on	tròn, hòn đá, son môi, núi non, ngọn nến,
28	ôn	bảo tồn, trí khôn, con chồn, thôn bản, ôn bài,

29	ơn	đơn ca, cơn mưa, sơn ca, sơn nhà, ơn thầy,
30	en	khăn len, ao sen, đế mèn, màu đen, cái kèn,
31	ên	con sên, cung tên, con nhện, nển, bển phà,
32	un	mưa phùn, bún chả, chú cún, con giun,
33	in	bản tin, xin lỗi, số chín, đèn pin, tin nhắn,
34	iên	chiên cá, kiến lửa, viên phấn, cô tiên,
35	yên	yên xe, yên vui, đàn yến, tổ yến,
36	uôn	uốn, chuôn chuôn, luôn, nguồn, cuộn, khuôn,
37	ươn	vườn cây, sườn đôi, con lươn, bay lượn,
38	at	hạt, cát, khát, hát, mát, bò sát, chẻ lạt, bát đĩa,
39	ắt	bắt, cắt, mắt, tắt, nhật, ngắt, mặt, vắt, gặt,
40	ât	tắt, nhát, đầu vật, bật, lật đật, gặt đầu, đất,
41	ot	ngọt, ngót, nhót, gót chân, mọt, hót,...
42	ôt	tốt, cà rốt, sốt, cốt dừa, đốt lửa, số mọt,
43	ot	quả ớt, cái thớt, cái vọt, ngót mưa,

44	et	vẹt, tia sét, nét chữ, mét vải, ghét, hò hét,
45	êt	Tết, mệт, dệт vải, con rết, kết quả,
46	it	quả mít, hít thở, chổi chít, riu rít, con vịt,
47	ut	cây bút, kẹo múт, lũ lụt, máy hút bụi,
48	urt	mút, gạo lứt, đứt tay, nứt nẻ, sứt mẻ,
49	iêt	miệт mài, thời tiết, hiểu biết, thân thiết,
50	uôt	tuốt lúa, con chuột, rét buốt,
51	urot	cầu trượt, khăn ướt, thướt tha, rét mướt,
52	am	nha đăm, quả cam, xe lam, số tám, trạm bơm,
53	ăm	số năm, chăm chỉ, thăm hỏi, tắm tre,
54	âm	nấm rơm, mâm cơm, cá tầm, củ sâm, âm áp,
55	om	đom đóm, xóm trọ, lom khom,
56	ôm	chôm chôm, con tôm, chó đốm, thợ gốm,
57	ơм	nôi cơm, mùi thơm, bờм ngựa,
58	em	em gái, xem phim, que kem, rèm cửa,

59	êm	tấm đệm, mềm mại, đêm tối,
60	im	trái tim, trốn tìm, màu tím, chú thím, kim chỉ,
61	um	lùm cây, cái chum, tôm hùm,
62	uôm	nhuộm vải, cánh buồm, cây muỗm,
63	uơm	Hồ Gươm, uơm cây, hạt cườm, đàn bươm,
64	iêm	quý hiếm, que diêm, niềm vui, dừa xiêm,
65	yêm	âu yếm, cái yếm,
66	áp	hỏi đáp, giấy nháp, xe đạp, toà tháp,
67	ấp	cặp sách, gập gối, ngăn nắp, cái bấp, gắp thú,
68	âp	cá mập, tập vở, gập áo, cao thấp,
69	op	hộp lớp, bóp còi, con cọp, chóp núi,
70	ôp	tốp ca, lớp xe, hộp sữa, bánh xốp,
71	ơp	lợp nhà, sắm chóp, lớp học, chóp mắt,
72	ep	con tép, cá chép, kẹp tóc, đôi dép,
73	êp	sắp xếp, gạo nếp, bếp ga, bếp lửa,

74	ip	bắt nhịp, cái nhịp, bìm bịp, nhân dịp,
75	up	túp lều, búp sen, búp bê, giúp đỡ,
76	urop	ướp cá, quả ướp, nướm ướp,
77	iêp	buu thiếp, nghề nghiệp, rau diếp,
78	ang	cầu thang, chổi chang, nàng tiên, cây bàng,
79	ăng	măng tre, văng trắng, răng cửa, nặng nề,
80	âng	vâng lời, dâng hoa, nhà cao tầng,
82	ông	bông hồng, đồng hồ, gà trống, ông khói,
83	ung	trung thu, dũng cảm, khung ảnh,
84	ung	vui mừng, rừng cây, dây thừng, củ gừng,
85	iêng	cái giếng, chao liêng, tiếng nói,
86	uông	cái chuông, ruộng lúa, luống rau, rau muống,
87	ương	trường học, tường nhà, giường ngủ,
88	inh	thông minh, đỉnh núi, kính mát,
89	ênh	con kênh, nhẹ tênh, bập bênh, giường bệnh,

90	anh	màu xanh, bánh kẹo, bức tranh, nhanh nhẹn,
91	ac	vòng bạc, đồ đạc, bác sĩ, củ lạc, tạc tượng,
92	ăc	thắt mắc, lắ tay, mặc áo, sắc màu,
93	âc	bạc thềm, quả gấc, giấc mơ, gió bắc,
94	oc	nóc nhà, mái tóc, đọc bài, quả cóc, con sóc,
95	ôc	cái cốc, ôc hương, con lóc, con dóc, gốc cây,
96	uc	sáo trúc, bực giảng, cúc áo, máy xúc,
97	urc	đỏ rực, nóng nực, thức ăn, lọ mực, lực sĩ,
98	ich	cái phích, thích thú, chim chích bông,
99	êch	con éch, mũi héch, ngọc nghéch,
100	ach	vách núi, kênh rạch, sách vở, thạch dừa,
103	uơc	mơ ước, nước đá, thước kẻ, cái lược,
104	oa	hoa quả, chìa khóa, đóa hồng,
105	oe	sức khỏe, xè hoa, chích chòe,
106	oai	củ khoai, quả xoài, xếp loại, bà ngoại,

107	oay	gió xoáy, loay hoay, hí hoáy, ghé xoay,
108	oan	sách toán, ngoan ngoãn, cây xoan,
109	oăn	khỏe khoăn, tóc xoăn, bản khoăn,
110	oat	đoạt giải, hoạt bát, dứt khoát, sinh hoạt,
111	oất	chỗ ngoặt, loắt choắt, nhọn hoắt, thoăn thoắt,
112	oang	áo choàng, thoáng mát, nước khoáng
113	oăng	con hoẵng, khua khoáng, dài ngoằng,
114	oanh	khoanh tay, khoanh giò, mới toanh,
115	oac	áo khoác, rách toạc, nguyệt ngoạc,
116	oãc	ngoặc tay, lạ hoắc, dấu ngoặc,
117	oach	thu hoạch, ngã oạch, kế hoạch,
118	uê	hoa huê, xum xuê, vạn tuế,
119	uy	lũy tre, tàu thủy, huy hiệu,
120	uơ	hươ vôi, thưở xưa, hươ tay
121	uân	chuẩn bị, khuôn vác, mùa xuân, tuần lễ,

122	uât	sản xuất, mĩ thuật, suất cơm,
123	uây	khuấy bột, ngoe nguẩy,
124	uyên	bóng chuyền, con thuyền, truyện tranh,
125	uyêt	duyệt binh, nguyệt quế, trăng khuyết,
126	uyt	tuýt còi, xe buýt, huyết sáo,
127	uya	đêm khuya,
128	uyu	khúc khuỷu,
129	uynh	phụ huynh, huỳnh quang, khuỳnh tay,
130	uych	huỳnh huych, ngã uych,
131	eng	xẻng, leng keng, kẻo,
132	ec	téc nước,
133	oeo	ngoằn ngoèo, khoeo chân,

Phần 2: Ca dao – thành ngữ - tục ngữ

1	Lên non mới biết non cao, Nuôi con mới biết công lao mẹ, thầy.
2	Ơn cha nặng lắm ai ơi, Nghĩa mẹ bằng trời, chín tháng cưu mang.
3	Công cha như núi Thái Sơn Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Một lòng thờ mẹ kính cha Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.
4	Con người có tổ, có tông, Như cây có cội, như sông có nguồn.
5	Khôn ngoan đối đáp người ngoài Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.
6	Anh em như thể chân tay Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần.
7	Trong đầm gì đẹp bằng sen Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng Nhị vàng bông trắng lá xanh Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.
8	Ai ơi bung bát cơm đây Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.
9	Đường vô xứ Nghệ quanh quanh Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.
10	Một cây làm chẳng nên non Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

11	Có chí thì nên
12	Có công mài sắt có ngày nên kim
13	Kiến tha lâu cũng đầy tổ
14	Học ăn, học nói, học gói, học mở
15	Đi một ngày đàng, học một sàng khôn
16	Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng
17	Kính thầy yêu bạn
18	Uống nước nhớ nguồn
19	Anh thuận em hòa
20	Anh em như thể tay chân
21	Chị ngã em nâng
22	Con Rồng cháu Tiên
23	Lá lành đùm lá rách
24	Kính trên nhường dưới
25	Chậm như rùa
26	Nhanh như sóc
27	Hôi như cú
28	Đen như quạ
29	Nhát như thỏ đế
30	Khỏe như voi

Phần 3: Thử thách bất ngờ

1. Em hãy gạch chân dưới đáp án đúng

1	Ghép được với từ con	mèo, chó, lợn, gà, trâu, bò, hổ, cáo, chuột, khi, dê, bàn, ghé, sắt, bút, vở, táo, mít, thuyền, dao
2	Ghép được với từ cây	chó, lợn, gà, trâu, bò, hổ, cáo, chuột, khi, dê, bàn, ghé, sắt, bút, vở, táo, mít, chuối, cam, dừa, dưa, dứa
3	Ghép được với với từ học	tập, bài, hành, nói, ăn, viết, múa, tiếng việt, toán, nhà, trường, cái, con, đi
4	Ghép được với từ nhà	tăm, tằm, trắng, xanh, cửa, gỗ, tre, đất, gạch, bếp, ăn, nói, khóc, đi, màu, ngôi, mái, vách, nền, nhanh, chậm
5	Ghép được với từ trường	học, lớp, đại học, tiểu học, phổ thông, làng, huyện, nhà, ngôi, anh, em, bố, mẹ, bàn, ghé, màu
6	Ghép được với từ màu	xanh, đỏ, tím, vàng, trắng, đen, cầu vồng, chữ nhật, vuông, tròn, tam giác, chữ nhật, trưa, tối, nhanh, chậm
7	Ghép được với từ hình	vuông, tròn, tam giác, chữ nhật, xanh, đỏ, tím, vàng, hoa, nhanh, chậm
8	Ghép được với từ ăn	com, cháo, nước, khoai, ngô, kẹo, uống, trưa, tối, nhanh, chậm, bàn, ghé, trắng, sao,

2. Em hãy gạch chân từ khác với những từ còn lại

1	xanh, nhanh, chanh, mạnh, lạnh, canh, bánh, hoàng
2	tính, toán, tôi, tài, tìm, tóc, tai, tím, tất, vành, ta, tem
3	huyền, hồng, hòa, hiền, hăm, tìm, thầy, bình, tình, mình, là, lành, lạnh, lòng, lừa, nhờ
4	voi, khi, trâu, bò, lợn, gà, cá, thỏ, cò, cọ, chim, sóc, dế, giun, gián
5	tre, nứa, trâu, bàng, bằng lăng, xoan, cọ, thông, nhãn, vải, mít, bưởi
6	hồng, huệ, lan, cúc, súng, sen, đại bàng, mai, đào, mơ, mận, bưởi, cam
7	xanh, đỏ, tím, vàng, đen, thông minh, chàm, trắng
8	vuông, tròn, chữ nhật, chữ a, tam giác
9	Thước kẻ, tẩy, tủ lạnh, bút chì, vở, cặp sách, bảng
10	ông, bà, bố, mẹ, anh, thầy giáo, chị, cô, chú, bác

Phần 4: Những vần thơ em yêu

Gửi lời chào lớp 1

*Lớp Một ơi! Lớp Một!
Đón em vào năm trước
Nay giờ phút chia tay
Gửi lời chào tiến bước!
(Hữu Tưởng)*

Làm Anh

*Làm anh khó đấy
Phải đâu chuyên đùa
Với em gái bé
Phải "người lớn" cơ.*

*Khi em bé khóc
Anh phải dỗ dành
Nếu em bé ngã
Anh nâng dịu dàng.*

*Mẹ cho quà bánh
Chia em phần hơn
Có đồ chơi đẹp
Cũng nhường em luôn.
(Phan Thị Thanh Nhàn)*

Hạt gạo làng ta

*Hạt gạo làng ta
Có vị phù sa
Của sông Kinh Thầy
Có hương sen thơm
Trong hồ nước đầy
Có lời mẹ hát
Ngọt bùi đắng cay...*

*Hạt gạo làng ta
Có bão tháng bảy
Có mưa tháng ba
Giọt mồ hôi sa
Những trưa tháng sáu
Nước như ai nấu
Chết cả cá cờ
Cua ngoi lên bờ
Mẹ em xuống cấy...*
(Trần Đăng Khoa)

Đàn Gà Con

*Mười quả trứng tròn
Mẹ gà ấp ủ
Mười chú gà con
Hôm nay ra đủ
Lông trắng, lông đỏ
Thành mỏ, thành chân.*
(Phạm Hồ)

Mèo con đi học

Mèo ta buồn bực

Mai phải đến trường

Bèn kiếm có luôn:

-Cái đuôi tôi ốm.

Cừu mới be toáng:

-Tôi sẽ chữa lành

Nhưng muốn cho nhanh

Cắt đuôi khỏi hết!

-Cắt đuôi? Ấy chết...!

Tôi đi học thôi!

(Theo P.Vô-rôn-cô)

Ai dậy sớm

Ai dậy sớm

Bước ra vườn,

Hoa ngát hương

Đang chờ đón.

Ai dậy sớm

Đi ra đồng

Có vừng đông

Đang chờ đón.

Ai dậy sớm

Chạy lên đồi,

Cả đất trời

Đang chờ đón.

(Võ Quảng)

Gọi bạn

Tự xa xưa thuở nào
Trong rừng xanh sâu thẳm
Đôi bạn sống bên nhau
Bê Vàng và Dê Trắng.
Một năm, trời hạn hán
Suối cạn, cỏ héo khô
Lấy gì nuôi đôi bạn
Chờ mưa đến bao giờ?
Bê Vàng đi tìm cỏ
Lang thang quên đường về
Dê Trắng thương bạn quá!
Chạy khắp nẻo tìm Bê
Đến bây giờ Dê Trắng
Vẫn gọi hoài: “Bê!Bê!”

(Định Hải)

Về dân gian về con vật

Ve ve ve ve
Cái ve loài vật
Trên lưng công gạch
Là họ nhà cua
Nghiến răng gọi mưa
Đúng là cụ cóc.

Dung Dăng Dung Dẻ

Dung dăng dung dẻ

Dắt trẻ đi chơi

Đến ngõ nhà trời

Lạy cậu lạy mợ

Cho cháu về quê

Cho dê đi học

Cho cóc ở nhà

Cho gà bới bép

Ừ à ù ập.

Phần 6: Đố vui – vui đố

STT	Câu đố
1	Con gì mào đỏ Gáy ò – ó – o? <i>Trả lời: con....</i>
2	Con gì nhỏ bé Mà hát khỏe ghê Suốt cả mùa hè Râm ran hợp xướng? <i>Trả lời: con....</i>
3	Hoa gì nở giữa mùa hè Trong đầm, thơm ngát, lá che đợc đầu? <i>Trả lời: hoa....</i>
4	Quả gì mọc tít trên cao Mà sao đây nước ngọt ngào bên trong? <i>Trả lời: quả....</i>

5	<p>Cùng ngủ, cùng thức Hai bạn xinh xinh Nhìn rõ mọi thứ Nhưng không thấy mình. <i>Trả lời: đôi....</i></p>
6	<p>Tôi cũng có lưỡi Nhưng chẳng nói năng Xói lên mặt ruộng Những hàng thẳng băng. <i>Trả lời: cái....</i></p>
7	<p>Cái gì có cặp có đôi Bé so mỗi bữa khi ngồi vào ăn? <i>Trả lời:</i></p>
8	<p>Cây gì thân cao Lá thưa răng lược Ai đem nước ngọt Đựng đầy quả xanh? <i>Trả lời:</i></p>
9	<p>Hoa nào không mọc trên cây Khi mùa đông đến lại bay đầy trời? <i>Trả lời:</i></p>
10	<p>Con gì bé tí Mà biết lo xa Thức ăn đầy nhà Phòng khi mưa bão? <i>Trả lời:</i></p>

Phần 7: NHỮNG CÂU HỎI NHỎ

Câu 1: Đáp án nào chỉ gồm các từ chứa tiếng có vần “eo”?

- A. vàng hoe, hoen gi
- B. leo trèo, vắng teo
- C. loa kèn, vắng hoe
- D. tung toé, béo tròn

Câu 2: Điền r/d/gi thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

Tiếng nói cười ...âm ...an vẫn còn kéo ...ài mãi.

Câu 3: Dòng nào có từ viết sai chính tả?

- A. ghi nhớ, gỗ lim
- B. gỏi cá, ghé gỗ
- C. củ gừng, nhà gha
- D. gồ ghề, viên gạch

Câu 4: Đáp án nào chỉ gồm các từ là tên đồ vật?

- A. cửa sổ, bàn ghế
- B. bạn bè, học tập
- C. học sinh, xinh xắn
- D. lớp học, dạy dỗ

Câu 5: Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn thơ sau:

*Cánh đồng lúa chín [...]
Công lao vất vả gió sương bao ngày
Mùi hương thơm ngát mê say
Bác nông dân với chiếc cày, con trâu.*

(Lưu Hải Yên)

- A. xanh biếc
B. đỏ au
C. tím ngắt
D. vàng tươi

Câu 6: Đoạn văn sau miêu tả về đẹp của loài chim nào?

“Mỗi chiếc lông đuôi óng ánh màu xanh sẫm, được tô điểm bằng những đốm tròn đủ màu sắc. Khi giương rộng, đuôi xoè tròn như một cái quạt lớn có đỉnh hàng trăm viên ngọc lánh lánh.”

(Theo Lê Quang Long)

- A. chim họa mi
B. chim công
C. chim vàng anh
D. chim sâu

Câu 7: Chọn nội dung đúng với đoạn thơ sau:

*“Con gà nghịch ngã xuống ao
Vịt không biết, hỏi: “Làm sao ướt đầm?”
Gà ta xấu hổ nói thắm:
Tôi không nghe mẹ, chơi gần bờ ao.”*

(Theo Nhược Thủy)

- A. Gà con nghe lời mẹ, không chơi gần bờ ao.
- B. Gà con nghe lời bạn vịt, không chơi gần bờ ao.
- C. Gà con không nghe lời mẹ, lại gần bờ ao chơi nên bị ngã.
- D. Vịt rủ gà con chơi gần bờ ao nên gà con bị ngã.

Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi số 8, 9, 10

CUỘC HỌP TRONG VƯỜN CÂY

Một chiều nọ, trong vườn cây diễn ra một cuộc họp rất sôi nổi. Chủ đề của cuộc họp là có nên để con trai của ông chủ vào vườn chơi hay không.

Cuộc họp chia làm hai phe. Cây đào – đại diện cho phe phản đối – lên tiếng: “Tuyệt đối không để cậu ấy vào vườn, bởi vì mỗi khi mùa xuân đến, cậu ấy toàn vặt hoa của tôi, khiến tôi không thể cho nhiều quả được!”

Thạch lựu – đại diện cho phe ủng hộ - đáp lời: “Tuy nhiên, lần nào vào vườn chơi, cậu ấy đều cất tiếng hát, lại còn kể chuyện cười cho chúng ta nữa. Cậu nhìn này, tôi sắp bẻ bụng ra vì cười rồi ấy chứ!”

Bàn bạc mãi mà không có kết quả. Ở bên ngoài, cậu con trai và bố lắng nghe cuộc thảo luận. Cậu bé nói: “Bố ơi, từ giờ trở đi, con sẽ không nghịch ngợm nữa, con sẽ cố gắng mang lại niềm vui cho mọi người.

(Trích Những câu chuyện hay – Những bài học quý)

Câu 8: Vì sao cây đào phản đối cậu bé vào vườn chơi?

- A. Vì cậu bé toàn vặt hoa trong vườn.
- B. Vì cậu bé hay cất tiếng hát trong vườn.
- C. Vì cây đào có rất nhiều quả.
- D. Vì cây đào không thích tiếng hát của cậu bé.

Câu 9: Vì sao thạch lựu đồng ý cho cậu bé vào vườn chơi?

- A. Vì cậu bé chăm chỉ tưới nước cho vườn cây.
- B. Vì cậu bé hay hát và kể chuyện cười cho vườn cây.
- C. Vì thạch lựu không thích cây đào.
- D. Vì tất cả cây cối trong vườn đều thích cậu.

Câu 10: Cậu bé rút ra bài học gì sau khi nghe cuộc thảo luận trong vườn cây?

- A. Cậu bé sẽ không nghịch ngợm, không làm ảnh hưởng đến mọi người xung quanh.
- B. Cậu bé sẽ luôn dũng cảm, đối mặt với khó khăn, thử thách.
- C. Cậu bé sẽ luôn yêu quý, trân trọng những món đồ chơi của mình.
- D. Cậu bé sẽ luôn chăm chỉ học tập để trở thành người tốt.